TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2020
V/v Ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quách Thị Lừng.

2. Ông Nguyễn Vinh Quang.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 3 và ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Đ, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm X, H, xã G1, huyện G, tỉnh N; nơi tạm trú: Xóm X1, Q, xã G1, huyện G, tỉnh N.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn P; sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm X, H, xã G1, huyện G, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Đ, vắng mặt anh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/11/2019, bản tự khai ngày 18/12/2019 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Mai Thị Đ trình bày: Chị và anh Phạm Văn P qua sự tìm hiểu thống nhất và tự nguyện đi đến kết hôn. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã G1, huyện G, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/2014. Sau đó, vợ chồng chung sống hòa thuận được 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thời gian vợ chồng tìm hiểu

nhau trước khi kết hôn quá ngắn nên khi về chung sống cùng nhau vợ chồng sống không hòa hợp, anh P không quan tâm tới chị, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Vì vậy, ngày 28/4/2019, chị đã bế con là Phạm Hoàng L về nhà mẹ đẻ ở xóm X1 Q, xã G1 để sinh sống, vợ chồng sống ly thân kể từ thời gian đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn P.

Tại bản tự khai ngày 17/2/2020 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Phạm Văn P trình bày: Anh và chị Mai Thị Đ qua sự tìm hiểu thống nhất và tự nguyện đi đến kết hôn. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã G1, huyện G, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 08/12/2014. Vợ chồng chung sống hòa thuận cùng nhau đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi anh P đi làm ăn xa nhà, chị Đ ở nhà không quan tâm chăm sóc con cái. Chị Đ tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở xóm X1 Q, xã G1 để sinh sống vào ngày 30/4/2019, vợ chồng sống ly thân kể từ thời gian đó cho đến nay. Nay chị Đ đề nghị ly hôn, anh không nhất trí, anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung: Chị Đ và anh P khai thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Phạm Lam A, sinh ngày 07/11/2015 và Phạm Hoàng L, sinh ngày 17/7/2017. Hiện nay, con chung là Phạm Hoàng L đang ở cùng chị Định, con chung là Phạm Lam A đang ở cùng anh P. Ly hôn, chị Đ nhận tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Phạm Hoàng L, anh P nhận tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Phạm Lam A. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Đ và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng nhận khoán của HTX: Chị Đ và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 11/02/2020 đại diện đoàn thể cũng như đại diện UBND xã G1 cung cấp: Chị Đ và anh P tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 08/12/2014 tại UBND xã G1. Sau khi gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, vợ chồng về chung sống cùng gia đình nhà anh P. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, nguyên nhân dẫn đến việc chị Đ bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống từ tháng 4/2019 là do giữa mẹ chồng nàng dâu sống không hòa hợp. Anh P làm nghề mộc, kinh tế, tiền bạc đều do bà M là mẹ đẻ của anh P quản lý hết. Nay chị Đ yêu cầu giải quyết ly hôn với anh P đề nghị Tòa án hòa giải để hai bên có cơ hội đoàn tụ cùng nhau, trường hợp vợ chồng không đoàn tụ được đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, chị Đ và anh P có 02 con chung là Phạm Lam A, sinh ngày 07/11/2015 và Phạm Hoàng L, sinh ngày 17/7/2017; hiện nay cả 02 con chung đều còn nhỏ, khi vợ chồng ly hôn, ai là người nuôi con do các bên tự thỏa thuận, trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định việc giao con cũng như cấp dưỡng nuôi con chung đối với các bên theo quy định của pháp luật. Vợ chồng không có nhà đất gì tại địa phương, không có vướng mắc gì về kinh tế, tài sản gì đối với cá nhân cũng như tập thể tại địa phương.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh P là hợp pháp, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng khả năng đoàn tụ không còn, nên có đủ cơ sở để giải quyết ly hôn. Về con chung, hiện nay, con chung là Phạm Hoàng L đang ở cùng chị Đ, con chung là Phạm Lam A đang ở cùng gia đình anh P, anh P và chị Đ đều có khả năng nuôi con; vì vậy nên giao con chung là Phạm Hoàng L cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, con chung là Phạm Lam A cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng nuôi dưỡng là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Đ và anh Phạm Văn P đã tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1, huyện G, tỉnh N vào ngày 08/12/2014 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau đó, vợ chồng chung sống không hòa thuận nguyên nhân là do thời gian tìm hiểu của vợ chồng trước khi kết hôn quá ngắn nên khi sống cùng nhau xảy ra bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, nên vợ chồng không quan tâm chăm sóc cho nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2019. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh P mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị Đ xin ly hôn anh P là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh P có 02 con chung là Phạm Lam A, sinh ngày 07/11/2015 và Phạm Hoàng L, sinh ngày 17/7/2017. Hiện nay, con chung là Phạm Hoàng L đang do chị Đ nuôi dưỡng, con chung là Phạm Lam A đang do anh P nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của chị Đ và anh P nên giao con chung là Phạm Hoàng L cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, con chung là Phạm Lam A cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nhưng được quyền thăm nom con chung khi có điều kiện.

[4] Về tài sản: Chị Đ và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Mai Thị Đ và anh Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao chị Mai Thị Đ tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Phạm Hoàng L, sinh ngày 17/7/2017; anh Phạm Văn P tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Phạm Lam A, sinh ngày 07/11/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nhưng được quyền thăm nom con chung khi có điều kiện.

3. Về án phí: Chị Mai Thị Đ phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 0000529 ngày 10/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã G1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thanh Lâm